

## THÔNG BÁO

### Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (đợt 4)

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 105/TB-SDN/NOXH ngày 07/3/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP, Sở Xây dựng thông báo thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội như sau:

**1. Tên dự án:** Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

**2. Tên chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng.

**3. Địa điểm:** Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**4. Quy mô dự án:** Gồm 04 tháp chung cư, mỗi khối cao 21 tầng nổi + tum thang + 01 tầng hầm chung cho 04 tháp. Tổng số căn hộ chung cư: 1.549 căn hộ (trong đó có: 285 căn hộ với diện tích sàn là 13.229 m<sup>2</sup>). Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ quý 2/2023.

#### 5. Thông tin căn hộ cho thuê (đợt 4)

- Số lượng: **272 căn hộ**. Diện tích căn hộ: 45m<sup>2</sup> đến 70m<sup>2</sup>.

- Giá cho thuê (đã bao gồm GTGT 5%): **70.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng** (Đính kèm Bảng giá cho thuê từng căn hộ).

#### 6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký thuê nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn: Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết thời gian tiếp nhận hồ sơ.

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 13/3/2024 đến 11/4/2024.**

- Địa điểm: Văn phòng Ban Quản lý dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (Đường Mê Linh rẽ vào đường Huỳnh Dạng 500m, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). (Hotline: 0948.643.688 - 0904.643.688 - 0943 438 998). Email:

[noxhbautram@gmail.com](mailto:noxhbautram@gmail.com). Ngày làm việc: Từ thứ 2 ÷ hết sáng thứ 7 (trừ ngày lễ). Giờ làm việc: 08h00 - 11h00 (buổi sáng), 14h00 - 17h00 (buổi chiều).

### **7. Đối tượng được đăng ký thuê nhà ở xã hội**

Đối tượng được đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 49 Luật Nhà ở, cụ thể:

- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 5 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân (khoản 6 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 7 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở (khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập (khoản 9 Điều 49 Luật Nhà ở)

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở).

### **8. Điều kiện được đăng ký thuê nhà ở xã hội**

Đối tượng, điều kiện được đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và chính sách của thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.

- Có đăng ký thường trú tại thành phố Đà Nẵng; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên và đóng bảo hiểm xã hội từ 01 năm trở lên tại thành phố Đà Nẵng.

- Đối với đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

### **9. Thành phần hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội**

Thành phần hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và khoản 16, 17 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và Thông tư số 09/2021/TT-BXD (*Đính kèm biểu mẫu hồ sơ*).

### **10. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội**

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng;

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức bốc thăm do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp có đối tượng đảm bảo quy định là người có công với cách mạng hoặc người khuyết tật thì được ưu tiên thuê nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 02 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm.

Sở Xây dựng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết, thực hiện theo đúng quy định./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND thành phố;
- Liên đoàn Lao động thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm CNTT TN&MT;
- Công ty CPĐT Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLN (H).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Hoàng**

**BẢNG GIÁ CHO THUÊ**  
**CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI LÔ ĐẤT B4-1**  
**THUỘC KHU ĐÔ THỊ XANH BÀU TRÀM LAKESIDE (ĐỢT 4)**  
*(Đính kèm Thông báo số /TB-SXD ngày /3/2024 của Sở Xây dựng)*

STT	TÒA	TẦNG	MÃ CĂN HỘ	SỐ PN	DT THÔNG THỦY (M2)	TỔNG GIÁ CHO THUÊ CĂN HỘ/THÁNG (Đã bao gồm Vat và phí bảo trì 2%)
1	CT1	2	CT1-CH02.04	3	68.10	4,767,000
2	CT1	2	CT1-CH02.10	1	45.20	3,164,000
3	CT1	2	CT1-CH02.11	1	45.40	3,178,000
4	CT1	2	CT1-CH02.17	3	68.40	4,788,000
5	CT1	2	CT1-CH02.18	3	68.10	4,767,000
6	CT1	2	CT1-CH02.19	1	45.30	3,171,000
7	CT1	2	CT1-CH02.20	1	46.20	3,234,000
8	CT1	3	CT1-CH03.04	3	68.10	4,767,000
9	CT1	3	CT1-CH03.10	1	45.20	3,164,000
10	CT1	3	CT1-CH03.11	1	45.40	3,178,000
11	CT1	3	CT1-CH03.17	3	68.40	4,788,000
12	CT1	3	CT1-CH03.18	3	68.10	4,767,000
13	CT1	3	CT1-CH03.19	1	45.30	3,171,000
14	CT1	3	CT1-CH03.20	1	46.20	3,234,000
15	CT1	4	CT1-CH04.02	2	56.70	3,969,000
16	CT1	4	CT1-CH04.04	3	68.10	4,767,000
17	CT1	4	CT1-CH04.10	1	45.20	3,164,000
18	CT1	4	CT1-CH04.11	1	45.40	3,178,000
19	CT1	4	CT1-CH04.16	2	57.10	3,997,000
20	CT1	4	CT1-CH04.17	3	68.40	4,788,000
21	CT1	4	CT1-CH04.18	3	68.10	4,767,000
22	CT1	4	CT1-CH04.19	1	45.30	3,171,000
23	CT1	4	CT1-CH04.20	1	46.20	3,234,000
24	CT1	5	CT1-CH05.01	2	53.40	3,738,000
25	CT1	5	CT1-CH05.02	2	56.70	3,969,000
26	CT1	5	CT1-CH05.03	2	56.70	3,969,000
27	CT1	5	CT1-CH05.04	3	68.10	4,767,000
28	CT1	5	CT1-CH05.05	2	58.90	4,123,000
29	CT1	5	CT1-CH05.06	2	57.10	3,997,000
30	CT1	5	CT1-CH05.08	2	57.10	3,997,000
31	CT1	5	CT1-CH05.09	2	57.10	3,997,000
32	CT1	5	CT1-CH05.10	1	45.20	3,164,000
33	CT1	5	CT1-CH05.11	1	45.40	3,178,000
34	CT1	5	CT1-CH05.14	2	57.00	3,990,000
35	CT1	5	CT1-CH05.15	2	57.10	3,997,000
36	CT1	5	CT1-CH05.17	3	68.40	4,788,000
37	CT1	5	CT1-CH05.18	3	68.10	4,767,000

38	CT1	5	CT1-CH05.19	1	45.30	3,171,000
39	CT1	5	CT1-CH05.20	1	46.20	3,234,000
40	CT1	6	CT1-CH06.02	2	56.70	3,969,000
41	CT1	6	CT1-CH06.03	2	56.70	3,969,000
42	CT1	6	CT1-CH06.04	3	68.10	4,767,000
43	CT1	6	CT1-CH06.05	2	58.90	4,123,000
44	CT1	6	CT1-CH06.06	2	57.10	3,997,000
45	CT1	6	CT1-CH06.07	2	57.10	3,997,000
46	CT1	6	CT1-CH06.08	2	57.10	3,997,000
47	CT1	6	CT1-CH06.09	2	57.10	3,997,000
48	CT1	6	CT1-CH06.10	1	45.20	3,164,000
49	CT1	6	CT1-CH06.11	1	45.40	3,178,000
50	CT1	6	CT1-CH06.12	2	56.90	3,983,000
51	CT1	6	CT1-CH06.14	2	57.00	3,990,000
52	CT1	6	CT1-CH06.15	2	57.10	3,997,000
53	CT1	6	CT1-CH06.16	2	57.10	3,997,000
54	CT1	6	CT1-CH06.18	3	68.10	4,767,000
55	CT1	6	CT1-CH06.20	1	46.20	3,234,000
56	CT1	7	CT1-CH07.01	2	53.40	3,738,000
57	CT1	7	CT1-CH07.02	2	56.70	3,969,000
58	CT1	7	CT1-CH07.03	2	56.70	3,969,000
59	CT1	7	CT1-CH07.04	3	68.10	4,767,000
60	CT1	7	CT1-CH07.05	2	58.90	4,123,000
61	CT1	7	CT1-CH07.06	2	57.10	3,997,000
62	CT1	7	CT1-CH07.07	2	57.10	3,997,000
63	CT1	7	CT1-CH07.08	2	57.10	3,997,000
64	CT1	7	CT1-CH07.09	2	57.10	3,997,000
65	CT1	7	CT1-CH07.10	1	45.20	3,164,000
66	CT1	7	CT1-CH07.11	1	45.40	3,178,000
67	CT1	7	CT1-CH07.14	2	57.00	3,990,000
68	CT1	7	CT1-CH07.15	2	57.10	3,997,000
69	CT1	7	CT1-CH07.16	2	57.10	3,997,000
70	CT1	7	CT1-CH07.17	3	68.40	4,788,000
71	CT1	7	CT1-CH07.18	3	68.10	4,767,000
72	CT1	7	CT1-CH07.19	1	45.30	3,171,000
73	CT1	7	CT1-CH07.20	1	46.20	3,234,000
74	CT1	8	CT1-CH08.01	2	53.40	3,738,000
75	CT1	8	CT1-CH08.02	2	56.70	3,969,000
76	CT1	8	CT1-CH08.03	2	56.70	3,969,000
77	CT1	8	CT1-CH08.04	3	68.10	4,767,000
78	CT1	8	CT1-CH08.05	2	58.90	4,123,000
79	CT1	8	CT1-CH08.06	2	57.10	3,997,000
80	CT1	8	CT1-CH08.07	2	57.10	3,997,000
81	CT1	8	CT1-CH08.08	2	57.10	3,997,000
82	CT1	8	CT1-CH08.09	2	57.10	3,997,000
83	CT1	8	CT1-CH08.10	1	45.20	3,164,000
84	CT1	8	CT1-CH08.11	1	45.40	3,178,000

85	CT1	8	CT1-CH08.14	2	57.00	3,990,000
86	CT1	8	CT1-CH08.15	2	57.10	3,997,000
87	CT1	8	CT1-CH08.16	2	57.10	3,997,000
88	CT1	8	CT1-CH08.18	3	68.10	4,767,000
89	CT1	8	CT1-CH08.19	1	45.30	3,171,000
90	CT1	8	CT1-CH08.20	1	46.20	3,234,000
91	CT1	9	CT1-CH09.01	2	53.40	3,738,000
92	CT1	9	CT1-CH09.02	2	56.70	3,969,000
93	CT1	9	CT1-CH09.03	2	56.70	3,969,000
94	CT1	9	CT1-CH09.04	3	68.10	4,767,000
95	CT1	9	CT1-CH09.05	2	58.90	4,123,000
96	CT1	9	CT1-CH09.06	2	57.10	3,997,000
97	CT1	9	CT1-CH09.07	2	57.10	3,997,000
98	CT1	9	CT1-CH09.08	2	57.10	3,997,000
99	CT1	9	CT1-CH09.09	2	57.10	3,997,000
100	CT1	9	CT1-CH09.10	1	45.20	3,164,000
101	CT1	9	CT1-CH09.11	1	45.40	3,178,000
102	CT1	9	CT1-CH09.14	2	57.00	3,990,000
103	CT1	9	CT1-CH09.15	2	57.10	3,997,000
104	CT1	9	CT1-CH09.16	2	57.10	3,997,000
105	CT1	9	CT1-CH09.17	3	68.40	4,788,000
106	CT1	9	CT1-CH09.18	3	68.10	4,767,000
107	CT1	9	CT1-CH09.19	1	45.30	3,171,000
108	CT1	9	CT1-CH09.20	1	46.20	3,234,000
109	CT1	10	CT1-CH10.01	2	53.40	3,738,000
110	CT1	10	CT1-CH10.02	2	56.70	3,969,000
111	CT1	10	CT1-CH10.03	2	56.70	3,969,000
112	CT1	10	CT1-CH10.04	3	68.10	4,767,000
113	CT1	10	CT1-CH10.05	2	58.90	4,123,000
114	CT1	10	CT1-CH10.06	2	57.10	3,997,000
115	CT1	10	CT1-CH10.07	2	57.10	3,997,000
116	CT1	10	CT1-CH10.08	2	57.10	3,997,000
117	CT1	10	CT1-CH10.09	2	57.10	3,997,000
118	CT1	10	CT1-CH10.10	1	45.20	3,164,000
119	CT1	10	CT1-CH10.11	1	45.40	3,178,000
120	CT1	10	CT1-CH10.14	2	57.00	3,990,000
121	CT1	10	CT1-CH10.15	2	57.10	3,997,000
122	CT1	10	CT1-CH10.16	2	57.10	3,997,000
123	CT1	10	CT1-CH10.17	3	68.40	4,788,000
124	CT1	10	CT1-CH10.18	3	68.10	4,767,000
125	CT1	10	CT1-CH10.19	1	45.30	3,171,000
126	CT1	10	CT1-CH10.20	1	46.20	3,234,000
127	CT2	3	CT2-CH03.01	1	37.00	2,590,000
128	CT2	3	CT2-CH03.08	1	38.80	2,716,000
129	CT2	3	CT2-CH03.18	1	38.10	2,667,000
130	CT2	4	CT2-CH04.01	1	37.00	2,590,000
131	CT2	4	CT2-CH04.16	1	38.20	2,674,000

132	CT2	4	CT2-CH04.17	1	37.90	2,653,000
133	CT2	4	CT2-CH04.19	1	38.00	2,660,000
134	CT2	5	CT2-CH05.08	1	38.80	2,716,000
135	CT2	5	CT2-CH05.16	1	38.20	2,674,000
136	CT2	5	CT2-CH05.17	1	37.90	2,653,000
137	CT2	6	CT2-CH06.06	1	39.00	2,730,000
138	CT2	7	CT2-CH07.01	1	37.00	2,590,000
139	CT2	7	CT2-CH07.06	1	39.00	2,730,000
140	CT2	7	CT2-CH07.08	1	38.80	2,716,000
141	CT2	7	CT2-CH07.18	1	38.10	2,667,000
142	CT2	7	CT2-CH07.19	1	38.00	2,660,000
143	CT2	8	CT2-CH08.06	1	39.00	2,730,000
144	CT2	8	CT2-CH08.08	1	38.80	2,716,000
145	CT2	8	CT2-CH08.17	1	37.90	2,653,000
146	CT2	8	CT2-CH08.18	1	38.10	2,667,000
147	CT2	9	CT2-CH09.01	1	37.00	2,590,000
148	CT2	9	CT2-CH09.08	1	38.80	2,716,000
149	CT2	10	CT2-CH10.16	1	38.20	2,674,000
150	CT2	10	CT2-CH10.18	1	38.10	2,667,000
151	CT2	10	CT2-CH10.19	1	38.00	2,660,000
152	CT2	11	CT2-CH11.06	1	39.00	2,730,000
153	CT2	11	CT2-CH11.16	1	38.20	2,674,000
154	CT2	11	CT2-CH11.17	1	37.90	2,653,000
155	CT2	11	CT2-CH11.19	1	38.00	2,660,000
156	CT2	11A	CT2-CH11A.01	1	37.00	2,590,000
157	CT2	11A	CT2-CH11A.08	1	38.80	2,716,000
158	CT2	11A	CT2-CH11A.17	1	37.90	2,653,000
159	CT2	11A	CT2-CH11A.18	1	38.10	2,667,000
160	CT2	11A	CT2-CH11A.19	1	38.00	2,660,000
161	CT2	12	CT2-CH12.08	1	38.80	2,716,000
162	CT2	14	CT2-CH14.01	1	37.00	2,590,000
163	CT2	14	CT2-CH14.06	1	39.00	2,730,000
164	CT2	14	CT2-CH14.08	1	38.80	2,716,000
165	CT2	14	CT2-CH14.16	1	38.20	2,674,000
166	CT2	14	CT2-CH14.17	1	37.90	2,653,000
167	CT2	14	CT2-CH14.18	1	38.10	2,667,000
168	CT2	14	CT2-CH14.19	1	38.00	2,660,000
169	CT2	15	CT2-CH15.01	1	37.00	2,590,000
170	CT2	15	CT2-CH15.06	1	39.00	2,730,000
171	CT2	15	CT2-CH15.08	1	38.80	2,716,000
172	CT2	15	CT2-CH15.16	1	38.20	2,674,000
173	CT2	15	CT2-CH15.17	1	37.90	2,653,000
174	CT2	15	CT2-CH15.18	1	38.10	2,667,000
175	CT2	15	CT2-CH15.19	1	38.00	2,660,000
176	CT2	16	CT2-CH16.01	1	37.00	2,590,000
177	CT2	16	CT2-CH16.06	1	39.00	2,730,000
178	CT2	16	CT2-CH16.08	1	38.80	2,716,000

179	CT2	16	CT2-CH16.16	1	38.20	2,674,000
180	CT2	16	CT2-CH16.17	1	37.90	2,653,000
181	CT2	16	CT2-CH16.18	1	38.10	2,667,000
182	CT2	16	CT2-CH16.19	1	38.00	2,660,000
183	CT2	17	CT2-CH17.01	1	37.00	2,590,000
184	CT2	17	CT2-CH17.06	1	39.00	2,730,000
185	CT2	17	CT2-CH17.08	1	38.80	2,716,000
186	CT2	17	CT2-CH17.16	1	38.20	2,674,000
187	CT2	17	CT2-CH17.17	1	37.90	2,653,000
188	CT2	17	CT2-CH17.18	1	38.10	2,667,000
189	CT2	17	CT2-CH17.19	1	38.00	2,660,000
190	CT2	18	CT2-CH18.01	1	37.00	2,590,000
191	CT2	18	CT2-CH18.06	1	39.00	2,730,000
192	CT2	18	CT2-CH18.08	1	38.80	2,716,000
193	CT2	18	CT2-CH18.16	1	38.20	2,674,000
194	CT2	18	CT2-CH18.17	1	37.90	2,653,000
195	CT2	18	CT2-CH18.18	1	38.10	2,667,000
196	CT2	18	CT2-CH18.19	1	38.00	2,660,000
197	CT2	19	CT2-CH19.01	1	37.00	2,590,000
198	CT2	19	CT2-CH19.06	1	39.00	2,730,000
199	CT2	19	CT2-CH19.08	1	38.80	2,716,000
200	CT2	19	CT2-CH19.17	1	37.90	2,653,000
201	CT2	19	CT2-CH19.18	1	38.10	2,667,000
202	CT2	19	CT2-CH19.19	1	38.00	2,660,000
203	CT2	20	CT2-CH20.01	1	37.00	2,590,000
204	CT2	20	CT2-CH20.08	1	38.80	2,716,000
205	CT2	20	CT2-CH20.16	1	38.20	2,674,000
206	CT2	20	CT2-CH20.17	1	37.90	2,653,000
207	CT2	21	CT2-CH21.01	1	37.00	2,590,000
208	CT2	21	CT2-CH21.06	1	39.00	2,730,000
209	CT2	21	CT2-CH21.08	1	38.80	2,716,000
210	CT2	21	CT2-CH21.16	1	38.20	2,674,000
211	CT2	21	CT2-CH21.17	1	37.90	2,653,000
212	CT2	21	CT2-CH21.18	1	38.10	2,667,000
213	CT2	19	CT2-CH21.19	1	38.00	2,660,000
214	CT3	2	CT3-CH02.11	1	37.00	2,590,000
215	CT3	5	CT3-CH05.11	1	37.00	2,590,000
216	CT3	6	CT3-CH06.02	1	36.90	2,583,000
217	CT3	6	CT3-CH06.10	1	37.00	2,590,000
218	CT3	7	CT3-CH07.02	1	36.90	2,583,000
219	CT3	8	CT3-CH08.02	1	36.90	2,583,000
220	CT3	9	CT3-CH09.09	1	37.00	2,590,000
221	CT3	10	CT3-CH10.01	1	36.90	2,583,000
222	CT3	12	CT3-CH12.01	1	36.90	2,583,000
223	CT3	14	CT3-CH14.01	1	36.90	2,583,000
224	CT3	14	CT3-CH14.09	1	37.00	2,590,000
225	CT3	14	CT3-CH14.10	1	37.00	2,590,000



226	CT3	15	CT3-CH15.01	1	36.90	2,583,000
227	CT3	15	CT3-CH15.11	1	37.00	2,590,000
228	CT3	16	CT3-CH16.01	1	36.90	2,583,000
229	CT3	17	CT3-CH17.02	1	36.90	2,583,000
230	CT3	17	CT3-CH17.09	1	37.00	2,590,000
231	CT3	18	CT3-CH18.10	1	37.00	2,590,000
232	CT3	18	CT3-CH18.11	1	37.00	2,590,000
233	CT3	19	CT3-CH19.01	1	36.90	2,583,000
234	CT3	19	CT3-CH19.10	1	37.00	2,590,000
235	CT3	19	CT3-CH19.11	1	37.00	2,590,000
236	CT3	19	CT3-CH19.22	1	35.50	2,485,000
237	CT3	20	CT3-CH20.01	1	36.90	2,583,000
238	CT3	20	CT3-CH20.09	1	37.00	2,590,000
239	CT3	20	CT3-CH20.10	1	37.00	2,590,000
240	CT3	20	CT3-CH20.11	1	37.00	2,590,000
241	CT3	20	CT3-CH20.22	1	35.50	2,485,000
242	CT3	21	CT3-CH21.01	1	36.90	2,583,000
243	CT3	21	CT3-CH21.02	1	36.90	2,583,000
244	CT3	21	CT3-CH21.09	1	37.00	2,590,000
245	CT3	21	CT3-CH21.10	1	37.00	2,590,000
246	CT3	21	CT3-CH21.11	1	37.00	2,590,000
247	CT3	21	CT3-CH21.22	1	35.50	2,485,000
248	CT4	11A	CT4-CH11A.06	1	39.00	2,730,000
249	CT4	14	CT4-CH14.06	1	39.00	2,730,000
250	CT4	18	CT4-CH18.06	1	39.00	2,730,000
251	CT4	18	CT4-CH18.08	1	38.80	2,716,000
252	CT4	18	CT4-CH18.17	1	37.90	2,653,000
253	CT4	18	CT4-CH18.18	1	38.10	2,667,000
254	CT4	19	CT4-CH19.01	1	36.90	2,583,000
255	CT4	19	CT4-CH19.06	1	39.00	2,730,000
256	CT4	19	CT4-CH19.08	1	38.80	2,716,000
257	CT4	19	CT4-CH19.17	1	37.90	2,653,000
258	CT4	19	CT4-CH19.18	1	38.10	2,667,000
259	CT4	19	CT4-CH19.19	1	38.00	2,660,000
260	CT4	20	CT4-CH20.01	1	36.90	2,583,000
261	CT4	20	CT4-CH20.06	1	39.00	2,730,000
262	CT4	20	CT4-CH20.08	1	38.80	2,716,000
263	CT4	20	CT4-CH20.17	1	37.90	2,653,000
264	CT4	20	CT4-CH20.18	1	38.10	2,667,000
265	CT4	20	CT4-CH20.19	1	38.00	2,660,000
266	CT4	21	CT4-CH21.01	1	36.90	2,583,000
267	CT4	21	CT4-CH21.06	1	39.00	2,730,000
268	CT4	21	CT4-CH21.08	1	38.80	2,716,000
269	CT4	21	CT4-CH21.16	1	38.20	2,674,000
270	CT4	21	CT4-CH21.17	1	37.90	2,653,000
271	CT4	21	CT4-CH21.18	1	38.10	2,667,000
272	CT4	21	CT4-CH21.19	1	38.00	2,660,000

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kính gửi: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng**

1. Tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin :

.....Sinh năm : .....

Số CMND/ CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Họ và tên (vợ/chồng) : ..... Sinh năm : .....

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Địa chỉ : .....

.....

3. Số điện thoại, địa chỉ mail : .....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp :

- Đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường rà soát tình trạng nhà ở, đất ở của chúng tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

- Hoàn thiện thủ tục xác nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ, sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

- Nhận văn bản xác nhận có dấu của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường.

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu :

.....

.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP**

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU**

*(Ký và ghi họ tên cả vợ và chồng)*

**Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố.** Trước khi các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến UBND cấp xã, phường để xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở theo quy định thì phải có giấy xác nhận sở hữu nhà, đất của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng. Do đó, đề nghị các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng (địa chỉ: số 24 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu) để được xác nhận về nhà ở, đất ở trên địa bàn thành phố **(theo mẫu số 1A)**.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HỒ SƠ KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**  
**NĂM.....**

Kính gửi: - Cục Thuế thành phố Đà Nẵng  
- Chi cục Thuế.....

Tôi tên là: ..... Sinh năm : .....

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Họ và tên (vợ/chồng) : ..... Sinh năm : .....

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Địa chỉ :.....

Đề có cơ sở hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kính đề nghị quý cơ quan Thuế xác nhận hồ sơ kê khai thuế thu nhập cá nhân của tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

....., ngày.....tháng..... năm.....

**Người viết đơn**  
(Ký và ghi họ tên)

**Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố về việc rà soát thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.**

Các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà trước khi ngoài việc thực hiện mẫu giấy kê khai về điều kiện thu nhập, phải từ thực hiện tra cứu mã số thuế cá nhân của mình, làm đơn theo mẫu và liên hệ cơ quan thuế đang quản lý để được xác nhận của cơ quan thuế về mức thu nhập có nộp thuế thu nhập thường xuyên hay không (**theo Mẫu 1B**).

Mã số thuế cá nhân tra cứu tại trang: <http://tongcucthue.org/tra-cuu-ma-thue-thu-nhap-ca-nhan-online-tcnonline/>.

- Thuế thu nhập cá nhân cần kê khai trước hai năm kể từ thời điểm nộp đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội (ví dụ: thời điểm nộp đơn năm 2020 thì phải kê khai thuế thu nhập cá nhân năm 2018 và 2019).

- Trường hợp cả vợ và chồng cùng một cơ quan thuế quản lý có thể xác nhận trên cùng một mẫu đơn.

- Trường hợp cá nhân không đăng ký mã số thuế hoặc mã số thuế được cấp và quản lý bởi cơ quan thuế ngoài thành phố Đà Nẵng thì người có đơn đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội có biên bản cam kết tự chịu trách nhiệm về kê khai thuế thu nhập cá nhân của mình

**PHỤ LỤC I. CÁC MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 53 LUẬT NHÀ Ở**

**Mẫu số 01.** Mẫu đơn đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI**

Hình thức đăng ký<sup>1</sup>: Mua  Thuê  Thuê mua

Kính gửi<sup>2</sup>: .....

Họ và tên người viết đơn: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số  
..... cấp ngày ..... / ..... / ..... tại .....

Nghề nghiệp<sup>3</sup>: .....

Nơi làm việc<sup>4</sup>: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>5</sup> tại: .....

Là đối tượng<sup>6</sup>: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>7</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau<sup>8</sup>: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m<sup>2</sup> sàn/người
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)
- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ □

- Khó khăn về nhà ở khác<sup>9</sup> (ghi rõ nội dung) .....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức            tại dự án:

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số .....

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ..... m<sup>2</sup> (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng.....m<sup>2</sup> (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết ..... nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....

**Người viết đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

-----

<sup>1</sup> Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

<sup>3</sup> Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

<sup>4</sup> Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

<sup>5</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>6</sup> Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

<sup>7</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

**Mẫu số 02.** Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định  
tại Khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI  
NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã<sup>10</sup>: .....

Họ và tên người đề nghị xác nhận: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số  
..... cấp ngày .... / .... / ..... tại .....

Nơi ở hiện tại: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>11</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>12</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc  
do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau<sup>13</sup>:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m<sup>2</sup> sàn/người
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất  
của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo  
quy định của UBND cấp tỉnh
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)
- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất  
phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn  
chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường  
về nhà ở, đất ở tái định cư.
- Khó khăn về nhà ở khác<sup>14</sup> (ghi rõ nội dung) .....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày ..... tháng ....năm.....

**Người đề nghị xác nhận**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Xác nhận của UBND cấp xã<sup>15</sup> ..... về:**

- 1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng**
- 2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình ..... đúng như nội dung đề nghị.**

**3. Ông/Bà ..... chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống./.**

*(ký tên, đóng dấu)*

-----  
<sup>10</sup> Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

<sup>11</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>12</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>13</sup> Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

<sup>14</sup> Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

<sup>15</sup> UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

**Mẫu số 03.** Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Kính gửi<sup>16</sup>: .....

Họ và tên người đề nghị xác nhận: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số ..... cấp ngày .../.../.... tại .....

Nghề nghiệp: ..... Nơi làm việc<sup>17</sup>: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>18</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>19</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Là đối tượng<sup>20</sup>: .....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau<sup>21</sup>:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m<sup>2</sup> sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.



- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác<sup>22</sup> (ghi rõ nội dung) .....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... Ngày .... tháng ..... năm.....

**Người viết đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị về đối tượng:**

Ông/Bà ..... thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

(ký tên, đóng dấu)

**Xác nhận của UBND cấp xã về thực trạng nhà ở:**

Tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình ..... đúng như nội dung của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

-----  
<sup>16</sup> Gửi UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đăng cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên để xác nhận về điều kiện nhà ở, đất ở. Gửi cơ quan, đơn vị đang công tác để xác nhận về đối tượng.

<sup>17</sup> Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

<sup>18</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>19</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>20</sup> Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

<sup>21</sup> Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

<sup>22</sup> Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

**Mẫu số 04.** Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật

(Ban hành kèm theo Thông tư Số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI THU NHẬP THẤP, HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÃ NGHỈ VIỆC, NGHỈ CHẾ ĐỘ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã<sup>23</sup> .....

Họ và tên người đề nghị xác nhận: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số ..... cấp ngày .../.../..... tại .....

Nơi ở hiện tại: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>24</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>25</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Là đối tượng<sup>26</sup>: .....

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau<sup>27</sup>:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m<sup>2</sup> sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác<sup>28</sup> (ghi rõ nội dung) .....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày .... tháng ..... năm.....

**Người đề nghị xác nhận**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND cấp xã<sup>29</sup> ..... về:**

- 1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội: .....**
- 2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình ..... đúng như nội dung đề nghị.**
- 3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước (ký tên, đóng dấu)**

-----  
<sup>23</sup> Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

<sup>24</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>25</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>26</sup> Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

<sup>27</sup> Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

<sup>28</sup> Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

<sup>29</sup> UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

**Mẫu số 05.** Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng quy định  
tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở  
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG ĐÃ TRẢ LẠI NHÀ Ở CÔNG VỤ**

Kính gửi<sup>30</sup>: .....

Họ và tên người đề nghị xác nhận: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số ..... cấp  
ngày .../.../..... tại .....

Nghề nghiệp: .....

Chức vụ: .....

Nơi làm việc<sup>31</sup>: .....

Nơi ở hiện tại<sup>32</sup>: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>33</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>34</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....  
Nghề nghiệp ..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại<sup>35</sup> .....

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m<sup>2</sup> sàn/người

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày .... tháng ..... năm .....  
**Người đề nghị xác nhận**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**1 Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan  
nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu:  
Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống  
sau khi đã trả lại nhà ở công vụ  
(ký tên, đóng dấu)**

**2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn  
vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị:  
Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ  
(ký tên, đóng dấu)**

-----  
<sup>30</sup> Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị xác nhận.

<sup>31</sup> Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

<sup>32</sup> Nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

<sup>33</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>34</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>35</sup> Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

**Mẫu số 07.** Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi về việc chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG BẰNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở**

Kính gửi<sup>38</sup>: .....

Họ và tên người đề nghị được xác nhận<sup>39</sup>: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số ..... cấp ngày ...../...../..... tại.....

Nơi ở hiện tại: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>40</sup> tại: .....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau<sup>41</sup>:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ ..... chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....

**Người đề nghị xác nhận**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện ..... về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(ký tên, đóng dấu)

-----

<sup>38</sup> Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

<sup>39</sup> Tên người đề nghị xác nhận đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

<sup>40</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>41</sup> Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

**Mẫu số 08.** Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP**

Họ và tên người kê khai: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số  
..... cấp ngày...../...../..... tại .....

Nơi ở hiện tại<sup>42</sup>: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>43</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình: ..... người<sup>44</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số ..... là: .....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Là đối tượng<sup>45</sup>: .....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày ..... tháng ..... năm.....

**Người kê khai**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc.**

**Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên**

(ký tên, đóng dấu)

-----  
<sup>42</sup> Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

<sup>43</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>44</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>45</sup> Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)



**Mẫu số 09.** Mẫu giấy tự kê khai về Điều kiện thu nhập đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY TỰ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP<sup>46</sup>**

Họ và tên người kê khai: .....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số .....

cấp ngày.../...../..... tại .....

Nơi ở hiện tại<sup>47</sup>: .....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)<sup>48</sup> tại: .....

Số thành viên trong hộ gia đình:..... người<sup>49</sup>, bao gồm:

1. Họ và tên: ..... CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

2. Họ và tên: ..... CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

3. Họ và tên: ..... CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

4. Họ và tên: ..... CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị) .....

5 .....

Là đối tượng<sup>50</sup>:.....

.....

Tôi và những người trong hộ gia đình có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..., ngày... tháng.. năm.....

**Người kê khai**

(ký, ghi rõ họ tên)

<sup>46</sup> Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

<sup>47</sup> Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

<sup>48</sup> Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày

31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

<sup>49</sup> Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

<sup>50</sup> Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật.